

Hà Nội, ngày 12 tháng 9 năm 2024

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Mua chủng chuẩn và kháng huyết thanh dùng trong vi sinh

Hiện nay, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội đang có nhu cầu mua chủng chuẩn và kháng huyết thanh dùng trong vi sinh (chi tiết số lượng, yêu cầu thông số kỹ thuật theo phụ lục đính kèm thư mời báo giá này).

Để có căn cứ xây dựng dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu của gói thầu nêu trên, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội kính mời Quý Cơ quan/Đơn vị có khả năng cung cấp chủng chuẩn và kháng huyết thanh dùng trong vi sinh nêu trên gửi Bảng báo giá với thông số kỹ thuật của hàng hóa tối thiểu như báo giá, có thể tương đương hoặc cao hơn về Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội theo thông tin như sau:

Đơn vị nhận báo giá: Khoa Dược – Vật tư y tế, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội, số 70 Nguyễn Chí Thanh, P.Láng Thượng, Q.Đống Đa, Tp.Hà Nội;

SĐT: 0243.734.9816 hoặc Dược sĩ Điện: 039.525.4496;

Hồ sơ báo giá bản mềm xin gửi về địa chỉ email: khoaduocvtyt.cdc@gmail.com;

Thời gian nhận báo giá trước 17h00 ngày 22/ 9 /2024;

Rất mong nhận được sự hợp tác của Quý Công ty/ Đơn vị.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Khoa TTGDSK (để đăng tải);
- Lưu: DVTYT (Điện).



Bùi Văn Hào

Phụ lục:
DANH MỤC CHỦNG CHUẨN VÀ KHÁNG HUYẾT THANH
DÙNG TRONG VI SINH

(Kèm theo Thư mời báo giá ngày 12 tháng 9 năm 2024 của
Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội)

STT	Tên hàng hóa	Mô tả	Số lượng	Đơn vị tính	Quy cách	Nguồn gốc, xuất xứ
1	<i>Bacillus cereus</i> ATCC® 11778™*	Đời chủng: F1 hoặc F2	1	Hộp/ Lọ/ Tuýp	Nhỏ nhất theo NSX	Châu Âu
2	<i>Citrobacter freundii</i> ATCC 8090	Đời chủng: F1 hoặc F2	1	Hộp/ Lọ/ Tuýp	Nhỏ nhất theo NSX	Châu Âu
3	<i>Clostridium perfringens</i> NCTC 8237	Đời chủng: F1 hoặc F2	1	Hộp/ Lọ/ Tuýp	Nhỏ nhất theo NSX	Châu Âu
4	<i>Enterococcus faecalis</i> ATCC® 29212™*	Đời chủng: F1 hoặc F2	1	Hộp/ Lọ/ Tuýp	Nhỏ nhất theo NSX	Châu Âu
5	<i>Escherichia coli</i> ATCC™ 8739	Đời chủng: F1 hoặc F2	1	Hộp/ Lọ/ Tuýp	Nhỏ nhất theo NSX	Châu Âu
6	<i>Listeria innocua</i> ATCC® 33090™*	Đời chủng: F1 hoặc F2	1	Hộp/ Lọ/ Tuýp	Nhỏ nhất theo NSX	Châu Âu
7	<i>Listeria ivanovii</i> subsp. <i>ivanovii</i> ATCC® 19119™*	Đời chủng: F1 hoặc F2	1	Hộp/ Lọ/ Tuýp	Nhỏ nhất theo NSX	Châu Âu
8	<i>Listeria monocytogenes</i> ATCC® 13932™*	Đời chủng: F1 hoặc F2	1	Hộp/ Lọ/ Tuýp	Nhỏ nhất theo NSX	Châu Âu
9	<i>Pseudomonas aeruginosa</i> ATCC® 27853™*	Đời chủng: F1 hoặc F2	1	Hộp/ Lọ/ Tuýp	Nhỏ nhất theo NSX	Châu Âu
10	<i>Rhodococcus equi</i> ATCC® 6939™*	Đời chủng: F1 hoặc F2	1	Hộp/ Lọ/ Tuýp	Nhỏ nhất theo NSX	Châu Âu
11	<i>Saccharomyces cerevisiae</i> ATCC® 9763™*	Đời chủng: F1 hoặc F2	1	Hộp/ Lọ/ Tuýp	Nhỏ nhất theo NSX	Châu Âu
12	<i>Salmonella enterica</i> serovar Enteritidis ATCC™ 13076	Đời chủng: F1 hoặc F2	1	Hộp/ Lọ/ Tuýp	Nhỏ nhất theo NSX	Châu Âu
13	<i>Salmonella enterica</i> serovar Typhimurium ATCC™ 14028	Đời chủng: F1 hoặc F2	1	Hộp/ Lọ/ Tuýp	Nhỏ nhất theo NSX	Châu Âu
14	<i>Shigella sonnei</i> ATCC ® 25931	Đời chủng: F1 hoặc F2	1	Hộp/ Lọ/ Tuýp	Nhỏ nhất theo NSX	Châu Âu
15	<i>Staphylococcus aureus</i> ATCC® 6538™*	Đời chủng: F1 hoặc F2	1	Hộp/ Lọ/ Tuýp	Nhỏ nhất theo NSX	Châu Âu
16	<i>Staphylococcus epidermidis</i> ATCC® 12228™*	Đời chủng: F1 hoặc F2	1	Hộp/ Lọ/ Tuýp	Nhỏ nhất theo NSX	Châu Âu
17	<i>Vibrio parahaemolyticus</i> NCTC 10903	Đời chủng: F1 hoặc F2	1	Hộp/ Lọ/ Tuýp	Nhỏ nhất theo NSX	Châu Âu

STT	Tên hàng hóa	Mô tả	Số lượng	Đơn vị tính	Quy cách	Nguồn gốc, xuất xứ
18	Huyết tương khô đông khô	Hóa chất phân tích dùng thử khẳng định khả năng đông huyết tương của Staphylococcus aureus; dạng đông khô, đóng lọ	10	Hộp	10 chai 3ml/ Hộp	Châu Âu
19	Bộ thuốc nhuộm Gram	Nhuộm màu Gram vi khuẩn; Gồm 4 chai hóa chất: Crystal violet solution; Lugon solution; Decolorizer solution; Safranin O solution	1	Hộp	04 lọ/ hộp	Châu Âu
20	Kháng huyết thanh Salmonella O Polyvalent A-S (Omnivalent)	Dung dịch kháng huyết thanh Vi khuẩn	4	Lọ	Lọ 3mL	Châu Âu
21	Kháng huyết thanh Salmonella Polyvalent H (Phase 1&2)	Dung dịch kháng huyết thanh Vi khuẩn	4	Lọ	Lọ 3mL	Châu Âu
22	Kháng huyết thanh Salmonella Vi	Dung dịch kháng huyết thanh Vi khuẩn	4	Lọ	Lọ 3mL	Châu Âu
23	Kháng huyết thanh Shigella đa giá A	Dung dịch kháng huyết thanh Vi khuẩn	4	Lọ	Lọ 3mL	Châu Âu
24	Kháng huyết thanh Shigella đa giá A1:	Dung dịch kháng huyết thanh Vi khuẩn	4	Lọ	Lọ 3mL	Châu Âu
25	Kháng huyết thanh Shigella đa giá nhóm B: Shigella As flexneri polyB	Dung dịch kháng huyết thanh Vi khuẩn	4	Lọ	Lọ 3mL	Châu Âu
26	Kháng huyết thanh Shigella đa giá nhóm C: Shigella As boydii poly C	Dung dịch kháng huyết thanh Vi khuẩn	4	Lọ	Lọ 3mL	Châu Âu
27	Kháng huyết thanh Shigella đa giá nhóm C: Shigella As boydii poly C1	Dung dịch kháng huyết thanh Vi khuẩn	4	Lọ	Lọ 3mL	Châu Âu
28	Kháng huyết thanh Shigella đa giá nhóm C: Shigella As boydii poly C2	Dung dịch kháng huyết thanh Vi khuẩn	4	Lọ	Lọ 3mL	Châu Âu
29	Kháng huyết thanh Shigella đa giá nhóm C: Shigella As boydii poly C3	Dung dịch kháng huyết thanh Vi khuẩn	4	Lọ	Lọ 3mL	Châu Âu
30	Kháng huyết thanh Shigella đa giá nhóm D: S. Sonne phase I và II	Dung dịch kháng huyết thanh Vi khuẩn	4	Lọ	Lọ 3mL	Châu Âu
31	Kháng huyết thanh V.cholerae đa giá O1	Dung dịch kháng huyết thanh Vi khuẩn	4	Lọ	Lọ 3mL	Châu Âu
32	Kháng huyết thanh V.cholerae đa giá O139	Dung dịch kháng huyết thanh Vi khuẩn	4	Lọ	Lọ 3mL	Châu Âu
33	Kháng huyết thanh V.cholerae đơn giá Ogawa	Dung dịch kháng huyết thanh Vi khuẩn	4	Lọ	Lọ 3mL	Châu Âu
34	Kháng huyết thanh V.cholerae đơn giá Inaba	Dung dịch kháng huyết thanh Vi khuẩn	4	Lọ	Lọ 3mL	Châu Âu